

Bản án số: 51/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 31 - 3 - 2025
V/v ly hôn và nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thí

Ông Trương Xuân Mâu

- Ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Xuân Thủy – Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử công khai vụ án sơ thẩm ly hôn thụ lý số 153/2024/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị [Trinh Thị Ngọc M](#), sinh năm 1993

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: [Thôn B, xã Q, huyện Q \(N là thị xã B\), tỉnh Quảng Bình](#); hiện cư trú: 1197 – 26 oda, [thành phố A, tỉnh Fukuoka, Nhật Bản](#); có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị M: Ông [Ngô Tấn L](#) – Luật sư, [Văn phòng L2](#), thuộc [Đoàn luật sư tỉnh Q](#); có mặt.

- Bị đơn: Anh [Hoàng Mạnh T](#), sinh năm 1986

Địa chỉ: [Thôn B, xã Q \(N là thị xã B\), huyện Q, tỉnh Quảng Bình](#); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, Bản tự khai, tại phiên tòa chị [Trinh Thị Ngọc M](#) và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị [M](#) (viết tắt là nguyên đơn) trình bày: Nguyên đơn và anh [Hoàng Minh T1](#) yêu nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình](#) vào ngày 13 tháng 03 năm 2013. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được gần 07

năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống; năm 2020 nguyên đơn đi lao động nước ngoài mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nguyên đơn xin được ly hôn anh [Hoàng Minh T1](#).

Về con chung: Vợ chồng nguyên đơn có 03 con chung: [Hoàng Minh Bảo N](#), sinh ngày 28/12/2013; [Hoàng Bảo N1](#), sinh ngày 12/06/2015 và [Hoàng Đức P](#), sinh ngày 06/01/2018. Sau khi ly hôn nguyên đơn xin được trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung và yêu cầu anh [Hoàng Mạnh T](#) cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng nguyên đơn không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và tại phiên tòa anh [Hoàng Mạnh T](#) (viết tắt là bị đơn) trình bày: Bị đơn nhất trí với nguyên đơn trình bày về quan hệ tình cảm, con chung, tài sản chung và nợ chung. Vợ chồng bị đơn mâu thuẫn đã nhiều năm, nay nguyên đơn xin ly hôn bị đơn cũng nhất trí ly. Về con chung: Vợ chồng bị đơn có 03 con chung: [Hoàng Minh Bảo N](#), sinh ngày 28/12/2013; [Hoàng Bảo N1](#), sinh ngày 12/06/2015 và [Hoàng Đức P](#), sinh ngày 06/01/2018 hiện 03 con chung đang sống cùng bị đơn từ năm 2020 cho đến nay; sau khi ly hôn bị đơn xin tiếp tục nuôi 03 con chung và không yêu cầu nguyên đơn đóng góp tiền nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn, yêu cầu được nuôi 03 con chung và buộc bị đơn góp tiền nuôi con; vợ chồng bị đơn không có tài sản chung, nợ chung. Bị đơn chấp nhận việc ly hôn, nhưng xin tiếp tục được nuôi 03 con chung, bị đơn không yêu cầu nguyên đơn đóng góp tiền nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn; về con chung: Giao bị đơn nuôi dưỡng 03 con chung [N](#), [N1](#) và [P](#); chấp nhận sự tự nguyện của bị đơn về việc không yêu cầu bị đơn đóng góp tiền nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trình bày của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn đang lao động tại Nhật Bản làm đơn xin ly hôn bị đơn đang cư trú tại [thị xã B, tỉnh Quảng Bình](#), căn cứ khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[2] Nguyên đơn đang lao động tại Nhật Bản gửi đơn ly hôn và các tài liệu kèm theo, các tài liệu này có chứng thực của [L1](#) sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản; căn cứ điểm c khoản 2 Điều 478 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án chấp nhận các tài liệu do nguyên đơn giao nộp để tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Nguyên đơn và bị đơn yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã Q](#), tỉnh Quảng Bình vào ngày 13 tháng 3 năm 2013, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được gần 7 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân không phù hợp quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau; anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay không còn tình cảm. Nay nguyên đơn xin ly hôn, bị đơn cũng nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy nguyên đơn và bị đơn không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận việc thuận tình ly hôn của anh chị.

[4] Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn thừa nhận vợ chồng có 03 con chung [Hoàng Minh Bảo N](#), sinh ngày 28/12/2013; [Hoàng Bảo N1](#), sinh ngày 12/06/2015 và [Hoàng Đức P](#), sinh ngày 06/01/2018 hiện 03 con chung đang sống cùng bị đơn từ năm 2020 cho đến nay. Sau khi ly hôn nguyên đơn và bị đơn đều có nguyện vọng nuôi 03 con chung. Hội đồng xét xử thấy tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận hiện đang lao động tại Nhật Bản nên không có điều kiện để trực tiếp nuôi con; bị đơn trực tiếp nuôi 03 con chung từ năm 2020 cho đến nay đảm bảo và 03 cháu đều có nguyện vọng được ở với bị đơn. Hiện tại bị đơn có việc làm và thu nhập ổn định, để đảm bảo việc học tập và sinh hoạt của 03 cháu; căn cứ Điều 81, Điều 83 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần giao cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung. Để đảm bảo đời sống cho 03 cháu, cần buộc nguyên đơn đóng góp tiền nuôi con chung cùng bị đơn mỗi tháng 03 triệu đồng, kể từ tháng 4/2025 cho đến khi các cháu trưởng thành.

[5] Nguyên đơn, bị đơn thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Tại phiên tòa nguyên đơn xin chịu toàn bộ 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nên chấp nhận sự tự nguyện này. Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

[7] Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 273 và điểm c khoản 2 Điều 478 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị [Trinh Thị Ngọc M](#) và anh [Hoàng Mạnh T](#).

2. Giao anh [Hoàng Mạnh T](#) được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung [Hoàng Minh Bảo N](#), sinh ngày 28/12/2013; [Hoàng Bảo N1](#), sinh ngày 12/06/2015 và [Hoàng Đức P](#), sinh ngày 06/01/2018. Buộc chị [Trinh Thị Ngọc M](#) đóng góp tiền nuôi con chung với anh [Hoàng Mạnh T](#) mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 4/2025 cho đến khi các cháu [N](#), [N1](#) và [P](#) lần lượt tròn 18 tuổi. Chị [Trinh Thị Ngọc M](#) có quyền được thăm 03 con chung [N](#), [N1](#) và [P](#) không ai được ngăn cản; sau này một trong hai bên có nhu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, phí cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật.

3. Chị [Trinh Thị Ngọc M](#) phải chịu 3000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005031 ngày 09/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình; chị [M](#) còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho chị [Trinh Thị Ngọc M](#) và anh [Hoàng Mạnh T](#) có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 31/3/2025.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Quảng Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa

